

TUẦN 5 GIÂY. THẾ KỈ

TÌM SỐ TRUNG BÌNH CỘNG

ĐỀ A

- * Phần 1. Học sinh chỉ ghi đáp số vào ô trống hoặc ghi số vào chỗ chấm:

BÀI TOÁN	ĐÁP SỐ
1. Điền số vào chỗ chấm: a) 3 phút = ... giây. 5 phút = ... giây. b) 1 phút 2 giây = ... giây. 2 phút 3 giây = ... giây. c) $\frac{1}{4}$ phút = ... giây. $\frac{1}{5}$ phút = ... giây.	
2. Điền số vào chỗ chấm: a) 2 thế kỉ = ... năm. 300 năm = ... thế kỉ. b) $\frac{1}{5}$ thế kỉ = ... năm. $\frac{1}{4}$ thế kỉ = ... năm.	
3. Viết số La Mã vào chỗ chấm: a) Năm 40 thuộc thế kỉ ... b) Năm 345 thuộc thế kỉ ... c) Năm 1248 thuộc thế kỉ ... d) Năm 1890 thuộc thế kỉ ...	
4. Bạn Hà gấp 6 chiếc thuyền hết 7 phút 30 giây. Hỏi trung bình Hà gấp mỗi chiếc thuyền hết bao nhiêu giây?	
5. Tìm số trung bình cộng của các số sau: a) 11; 13; 21 và 27. b) 10; 14; 17; 23; 26.	a) b)

6. Bốn lớp A, B, C, D lần lượt có số học sinh là 34 bạn, 31 bạn, 36 bạn, 39 bạn. Hỏi trung bình mỗi lớp có bao nhiêu bạn?	TUẦN 5
7. Ba lớp quỳên góp vở. Lớp 4A góp được 40 quyển vở, lớp 4B góp nhiều hơn lớp 4A là 10 quyển nhưng ít hơn lớp 4C là 4 quyển. Hỏi trung bình mỗi lớp góp bao nhiêu quyển vở?	Phần 1. Học sinh làm bài
8. Có 6 xe chở gạo, trong đó có 2 xe đầu mỗi xe chở 24 tạ gạo, số xe còn lại mỗi xe chở 18 tạ gạo. Hỏi trung bình mỗi xe chở mấy tấn gạo?	Phần 2. Học sinh trình bày bài làm:
9. Tìm số trung bình cộng của các số tròn chục từ 10 đến 90.	
10. Trung bình cộng của hai số bằng 16. Biết một trong hai số đó bằng 18. Tìm số kia.	

Phần 2. Học sinh trình bày bài làm:

1. Điền số vào chỗ chấm:

a) $\frac{1}{4}$ giờ = ... phút.

b) $\frac{1}{5}$ giờ = ... phút.

c) 2 giờ 10 phút = ... phút.

d) 1 giờ 23 phút = ... phút.

2. Một ô tô trong 2 giờ đầu, mỗi giờ đi được 51km; trong 3 giờ sau, mỗi giờ đi được 46km. Hỏi trung bình mỗi giờ ô tô đó đi được bao nhiêu ki-lô-mét?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....